TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KON PLÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày: 13/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tú và bà Đỗ Thị Thanh Xuân
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum được biệt phái đến Tòa án nhân dân huyện Kon Plông để làm thư ký, tiến hành hoạt động tố tụng *(Theo Quyết định biệt phái số 12/QĐ-TA ngày 19/02/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.*
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn H (Tên gọi khác: Không), sinh 197x, tại tỉnh Nam Định. Nơi thường trú: Buôn …, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 194x; bị cáo có vợ tên Trần Thị T2, sinh năm 198x; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 199x, con nhỏ nhất sinh năm 200x; bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 08 chị em; Tiền án: Không; Tiền sự: (01 tiền sự vào ngày 10/3/2023, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi phá rừng trái pháp luật. Đã chấp hành xong việc nộp phạt ngày 17/3/2023. Chưa hết thời hiệu xem xét). Nhân thân: xấu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Nguyễn Danh Th (Tên gọi khác: Không), sinh 198x, tại tỉnh Hà Tĩnh. Nơi thường trú: Xã N, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi cư trú: Làng …, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Danh C, sinh năm 195x và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 195x; bị cáo có vợ tên Phạm Thị H2, sinh năm 198x; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 200x, con nhỏ nhất sinh năm 201x; bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 03 chị em; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. A M (Tên gọi khác: A Ma), sinh 200x tại tỉnh Kon Tum. Nơi thường trú: Xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề

nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A M1, sinh năm 197x và bà Y Th2, sinh năm 1982; bị cáo là con đầu trong gia đình có 03 anh em; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Đinh Văn S (Tên gọi khác: Không), sinh 199x tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Làng…., xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Làng …, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Hre; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn Ph, sinh năm 197x và bà Đinh Thị Mĩ, sinh năm 197x; có vợ tên Rah Lan B, sinh năm 199x; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017; bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 07 anh em; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Đinh Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh 199x, tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Làng Mon, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nơi ở hiện tại: Làng …, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Hre; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên Đảng cộng Sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ quân sự xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Con ông Đinh Văn V, sinh năm 195x và bà Đinh Thị R, sinh năm 195x; bị cáo là con út trong gia đình có 05 chị em; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. A T1 (Tên gọi khác: A Tia), sinh 200x, tại tỉnh Kon Tum. Nơi thường trú: Thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Kg, xã M , huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A K L, sinh năm 198x và bà Y Ti, sinh năm 198x; bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 03 anh em; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. A Th1 (Tên gọi khác: Ủ), sinh 200x, tại tỉnh Kon Tum. Nơi thường trú: Thôn R, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn R, xã Đ, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Thư, sinh năm 198x và bà Y Đ, sinh năm 198x; bị cáo là con cả trong gia đình có 02 anh em; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Bùi Văn V (Tên gọi khác: Không), sinh 198x, tại tỉnh Hòa Bình. Nơi thường trú: Xóm …, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Xóm …, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn D, sinh năm 196x và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 196x; có vợ tên Bùi Thị Q, sinh năm 198x; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 02 chị em; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Nguyên đơn dân sự:

+ Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang H - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A Th - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và ông A S - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Theo văn bản ủy quyền số 1286/UBND-VP ngày 16/7/2024).

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Đều có mặt).

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh V - Chức vụ: Phó Giám đốc. Địa chỉ: Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện: Ông A Th - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

+ Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện: Ông A S - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

+ Anh Đinh Văn T2, sinh năm 200x.

Địa chỉ: Làng…., xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Đinh Văn L, sinh năm 199x.

Địa chỉ: Làng…, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 196x.

Địa chỉ: Xóm …, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Trần Thị T3, sinh năm 198x.

Địa chỉ: Buôn …, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt).

+ Chị Y Th2, sinh năm 198x.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

+ Chị Y T3, sinh năm 200x và ông A K L, sinh năm 198x.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

+ Anh Trần Quốc T4, sinh năm 198x.

Địa chỉ: Làng …, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt).

- Người phiên dịch: Ông A Sơn.

Nơi công tác: UBMTTQ Việt Nam huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2023, bị cáo Vũ Văn M đã thuê, mượn chỗ ở, chỉ vị trí phá rừng, cho ứng tiền, cung cấp công cụ và trả tiền công cho nhóm A M, A T1, A Th1, nhóm Nguyễn Danh Th, Đinh Văn S, Đinh Văn T thực hiện hành vi phá rừng trái pháp luật. Tổng diện tích do Vũ Văn M thuê A M, A T1, A Th1 phá trái phép là 3.102,4 mét vuông rừng phòng hộ là rừng tự nhiên và 978,3 mét vuông rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Cụ thể:

+ Tại Lô 11i Khoảnh 8 Tiểu khu 440 lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Pờ Ê quản lý là 1.946,1m^2.

+ Tại Lô 7 Khoảnh 6 Tiểu khu 493 lâm phần do Cộng đồng thôn Tu Cần quản lý thuộc địa giới hành chính xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum là 1.156,3 m^2.

+ Tại Lô 13 Khoảnh 5 Tiểu khu 495 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý là 978,3 m^2.

Vũ Văn M còn yêu cầu Bùi Văn V chỉ vị trí để nhóm Nguyễn Danh Th, Đinh Văn S, Đinh Văn Toả thực hiện hành vi huỷ hoại tại Lô 7 Khoảnh 6 Tiểu khu 493 lâm phần do Cộng đồng thôn Tu Cần quản lý thuộc địa giới hành chính xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum là 3.557,1 m^2 rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKSKPL ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Vũ Văn M về tội "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Danh Th, A M, Đinh Văn S, Đinh Văn T, A T1, A Th1, Bùi Văn V về tội *"Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Bản án số 11/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông đã xét xử sơ thẩm và quyết định như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn M, Nguyễn Danh Th, A M, Đinh Văn S, Đinh Văn T, A T1, A Th1, Bùi Văn V phạm tội *"Hủy hoại rừng"*.

+ Áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn M 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/03/2024.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh Th 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/03/2024.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo A M 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/03/2024.

Xử phạt các bị cáo Đinh Văn T, A T1, A Th1 mỗi bị cáo 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/03/2024.

+Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn S 01(Một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/03/2024.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 06 (Sáu) tháng 12 (Mười hai) ngày tù (Bằng với thời gian tạm giam).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tách vấn đề bồi thường thiệt hại ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi nguyên đơn dân sự có yêu cầu.

Giao cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông tổng số tiền 72.000.000 đồng *(Bảy mươi hai triệu đồng)* mà các bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường, khắc phục một

phần hậu quả (*theo* các *biên lai thu tiền số 0000706 ngày 22/8/2024; số 0000707 ngày 28/8/2024; số 0000708 ngày 05/9/2024; số 0000710 ngày 05/9/2024; số 0000712 ngày 23/9/2024; số 0000713 ngày 23/9/2024; số 0000714 ngày 24/92024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông)* xử lý nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường thiệt hại sau này nếu có.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, dạng cảm ứng, màu đen, mặt sau điện thoại có ghi dòng chữ "Samsung". Tình trạng: đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong của Vũ Văn M; 01 (một) điện thoại di động, dạng bàn phím, màu vàng, phía trước điện thoại có ghi dòng chữ "KECHAODA". Tình trạng: đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong của Vũ Văn M; 01 (một) điện thoại di động, dạng cảm ứng, màu đen, ở mặt sau có dòng chữ "Fealme". Tình trạng: đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong của Bùi Văn V; 01 (một) máy cưa màu cam, trên vỏ máy có ghi dòng chữ "made in china", kèm theo lam sên. Tình trạng: đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong. *(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum).*

- Buộc bị cáo A M nộp 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng*) tiền thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Văn M, Nguyễn Danh Th, Đinh Văn S, A T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A M, A Th1, Đinh Văn T và Bùi Văn V.

* Ngày 21/10/2024 VKSND tỉnh Kon Tum có Kháng nghị số 143/QĐ-VKS-P7, nội dung: Kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng là số gỗ tang vật và số tiền bồi thường thiệt hại mà người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã nộp thay cho các bị cáo. Đề nghị TAND tỉnh Kon Tum xét xử vụ án theo hướng hủy bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông để xét xử lại các nội dung sau:

- Quyết định xử lý vật chứng 68,222m^3 gỗ tang vật trong vụ án.

- Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tổng số tiền 9.400.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 72 triệu đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông để xử lý trong vụ án dân sự khác khi nguyên đơn dân sự có yêu cầu.

* Tại bản án phúc thẩm số 30/2024/HS-PT ngày 23/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định như sau:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ Kháng nghị số 143/QĐ-VKS-P7 ngày 21/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông về phần xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Kon Plông để xét xử lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

Về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn M, Nguyễn Danh Th, A M, Đinh Văn T, A T1, A Th1, Đinh Văn S, Bùi Văn V đã xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, phần hình phạt đối với các bị cáo đã có hiệu lực pháp luật, các bị cáo đã đi chấp hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về các vấn đề khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị kể cả án phí đã có hiệu lực pháp luật đưa ra thi hành. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Giao trả cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum quản lý và xử lý vật chứng theo thẩm quyền đối với 39,558 mét khối gỗ các loại tại Lô 7 Khoảnh 6 Tiểu khu 495 và 12,516 mét khối gỗ các loại tại Lô 11i Khoảnh 8 Tiểu khu 440.

Giao trả cho Công ty TN HH- MTV Lâm nghiệp Kon Plông, tỉnh Kon Tum tiếp tục quản lý và xử lý vật chứng theo thẩm quyền đối với 16,148 mét khối gỗ các loại tại Lô 13 Khoảnh 5 Tiểu khu 495.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.400.000 đồng *(Chín triệu bốn trăm nghìn đồng)* do phạm tội mà có của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cụ thể: Bị cáo A Th1, A T1, A M mỗi người nộp 1.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Danh Th nộp số tiền 2.200.000 đồng, bị cáo Đinh Văn T và bị cáo Đinh Văn S mỗi bị cáo nộp số tiền 800.000 đồng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đinh Văn Lanh nộp số tiền 800.000 đồng, Đinh Văn T2 nộp số tiền 300.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 30 BLTTHS tách vấn đề dân sự liên quan đến yêu cầu của Nguyên đơn dân sự là UBND huyện Kon Plông, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông để giải quyết theo tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

- Đối với số tiền các bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả gồm: Bị cáo Vũ Văn M 50.000.000 đồng, bị cáo A M 3.000.000 đồng, bị cáo A T1 5.000.000 đồng, bị cáo Bùi Văn V 5.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Danh Th 2.000.000 đồng, bị cáo Đinh Văn T 5.000.000 đồng, bị cáo A Th1 2.000.000 đồng. Tổng cộng 72.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền này vào ngân sách nhà nước để khắc phục hậu quả, tái tạo rừng. Sự tự nguyện này của các bị cáo không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

Đối với các bị cáo: Đều có đơn xin xét xử vắng mặt (*vì đang chấp hành án tại các trại giam của Bộ Công an)*. Nội dung đơn của các bị cáo đều thể hiện: Tại giai đoạn điều tra, truy tố cũng như các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bị cáo đã cung cấp đầy đủ lời khai và đến nay không có thay đổi lời khai, bổ sung gì.

Nguyên đơn dân sự trình bày ý kiến: Toàn bộ số gỗ tại hiện trường hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã lập biên bản bàn giao toàn bộ số gỗ tại hiện trường cho các đại diện của nguyên đơn để quản lý và để xử lý theo quy định của pháp luật, nhưng hiện nay chưa thu gom để xử lý bán đấu giá và khấu trừ vào thiệt hại. Do vậy, đại diện các nguyên đơn dân sự đề nghị tách vấn đề dân sự trong vụ án để yêu cầu giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có yêu cầu, đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đinh Văn T2, Đinh Văn Lh, Nguyễn Thị Ph, Trần Thị T3, Trần Quốc T4 vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 290, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[2]. Về tội danh, hình phạt của các bị cáo và các vấn đề khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

Bản án số 30/2024/HSPT ngày 23/12/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ Kháng nghị số 143/QĐ-VKS-P7 ngày 21/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông ***về phần xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự.*** Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Kon Plông để xét xử lại.

Như vậy, về tội danh, hình phạt của các bị cáo và các vấn đề khác của Bản án số 11/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và đã được đưa ra thi hành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 12,516 mét khối gỗ bị cưa hạ tại hiện trường thuộc Lô 11i Khoảnh 8 Tiểu khu 440 lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Pờ Ê quản lý thuộc địa giới hành chính xã Pờ Ê, số gỗ này còn lại tại hiện trường do các bị cáo chặt phá, Cơ quan

cảnh sát điều tra đã giao cho Ủy ban nhân dân xã Pờ Ê quản lý. *(Kèm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 7 năm 2024);*

+ Đối với 39,558 mét khối gỗ bị cưa hạ tại hiện trường thuộc Lô 7 Khoảnh 6 Tiểu khu 493 lâm phần do Cộng đồng thôn Tu Cần quản lý thuộc địa giới hành chính xã Hiếu, số gỗ này còn lại tại hiện trường do các bị cáo chặt phá, Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao cho Uỷ ban nhân dân xã Hiếu quản lý. *(Kèm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 7 năm 2024);*

+ Đối với toàn bộ số gỗ 16,148 mét khối gỗ bị cưa hạ tại hiện trường thuộc Lô 13 Khoảnh 5 Tiểu khu 495, số gỗ này còn lại tại hiện trường do các bị cáo chặt phá, Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao đã giao cho Công Ty TNHH-MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý. *(Kèm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 5 năm 2024).*

Hội đồng xét xử xét thấy: Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum và Công Ty TNHH-MTV Lâm nghiệp Kon Plông là cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với rừng tại địa phương nên giao các cơ quan này có trách nhiệm xử lý theo quy định pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi hủy hoại rừng với diện tích 6.659,5 mét vuông rừng phòng hộ là rừng tự nhiên và hủy hoại 978,3 mét vuông rừng sản xuất là rừng tự nhiên, khối lượng gỗ bị thiệt hại là 68,222 mét khối, bị thiệt hại 286.600.190 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn, một trăm chín mươi đồng*). Thiệt hại nêu trên là do các bị cáo gây ra, lỗi thuộc về các bị cáo, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn dân sự chưa yêu cầu bồi thường và đề nghị tách vấn đề dân sự ra để giải quyết sau, thấy rằng yêu cầu này không trái quy định, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên việc bồi thường thiệt hại cần tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi nguyên đơn có yêu cầu.

Đối với số tiền 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*). Trong đó: Vũ Văn M: 50.000.000 đồng; Bùi Văn V 5.000.000 đồng; A T1 5.000.000 đồng; A M 3.000.000 đồng; Đinh Văn T 5.000.000 đồng, Nguyễn Danh Th 2.000.000 đồng, A Th1 2.000.000 đồng *(theo các biên lai thu tiền số 0000706 ngày 22/8/2024; số 0000707 ngày 28/8/2024; số 0000708 ngày 05/9/2024; số 0000710 ngày 05/9/2024; số 0000712 ngày 23/9/2024; số 0000713 ngày 23/9/2024; số 0000714 ngày 24/92024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông)* mà các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền này vào ngân sách nhà nước để khắc phục hậu quả, tái tạo rừng và khẳng định trường hợp sau này nguyên đơn dân sự khởi kiện vụ án dân sự thì các bị cáo sẵn sàng nộp tiền bồi thường thiệt hại theo quyết định của Tòa án. Xét thấy, sự tự nguyện này của các bị cáo không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

[5]. Về biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm xác định: Vũ Văn M đã trả cho nhóm củA M 5.000.000 đồng tiền công. Số tiền này, A M, A T1, A Th1 chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) chi phí chung cho việc ăn uống và đi xe về nhà. Vũ Văn M cũng đã cho Nguyễn Danh Th ứng trước 2.000.000 đồng, Th giữ lại một phần tiền để mua đồ ăn, xăng, nhớt, còn lại

chia cho T2, T và S mỗi người khoảng 300.000 đồng. Sau đó, H đã trả tiếp 4.000.000 đồng tiền công cho Th. Th chia cho L 800.000 đồng, S 500.000 đồng, T 500.000 đồng, còn giữ lại 2.200.000 đồng.

Như vậy, A M, A T1, A Th1 chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng; Nguyễn Danh Th nhận 2.200.000 đồng; Đinh Văn T 800.000 đồng, Đinh Văn S 800.000 đồng, Đinh văn L 800.000 đồng, Đinh Văn T2 nhận 300.000 đồng tiền công do việc chặt phá rừng từ Vũ Văn M. Đây là tiền do phạm tội mà có nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tách vấn đề bồi thường thiệt hại ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi nguyên đơn dân sự có yêu cầu.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 72.000.000 đồng *(Bảy mươi hai triệu đồng)*. Trong đó: Vũ Văn M: 50.000.000 đồng; Bùi Văn V 5.000.000 đồng; A T1 5.000.000 đồng; A M 3.000.000 đồng; Đinh Văn T 5.000.000 đồng, Nguyễn Danh Th 2.000.000 đồng, A Th1 2.000.000 đồng *(theo các biên lai thu tiền số 0000706 ngày 22/8/2024; số 0000707 ngày 28/8/2024; số 0000708 ngày 05/9/2024; số 0000710 ngày 05/9/2024; số 0000712 ngày 23/9/2024; số 0000713 ngày 23/9/2024; số 0000714 ngày 24/92024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông)* vào ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả, tái tạo rừng và trường hợp sau này nguyên đơn dân sự khởi kiện vụ án dân sự thì các bị cáo sẵn sàng nộp tiền bồi thường thiệt hại theo quyết định của Tòa án.

2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.400.000 đồng *(Chín triệu bốn trăm nghìn đồng)* do phạm tội mà có của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cụ thể:

Buộc bị cáo A M phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng), (được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000721 ngày 09/01/2025 của Chi cục THADS huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum).*

Buộc bị cáo A T1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng), (được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000719 ngày 09/01/2025 của Chi cục THADS huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum).*

Buộc các bị cáo A Th1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng), (được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000720 ngày 09/01/2025 của Chi cục THADS huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum).*

Buộc bị cáo Nguyễn Danh Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.200.000 đồng *(Hai triệu hai trăm nghìn đồng).*

Buộc bị cáo Đinh Văn T, bị cáo Đinh Văn S, mỗi bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng *(Tám trăm nghìn đồng).*

Buộc Đinh Văn Lh phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng *(Tám trăm nghìn đồng).*

Buộc Đinh Văn T2 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Giao trả cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xử lý theo quy định của pháp luật đối với:

+ 12,516 mét khối gỗ bị cưa hạ tại hiện trường thuộc Lô 11i Khoảnh 8 Tiểu khu 440 lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Pờ Ê quản lý thuộc địa giới hành chính xã Pờ Ê, số gỗ này hiện đang được Ủy ban nhân dân xã Pờ Ê quản lý. *(Kèm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 7 năm 2024);*

+ 39,558 mét khối gỗ bị cưa hạ tại hiện trường thuộc Lô 7 Khoảnh 6 Tiểu khu 493 lâm phần do Cộng đồng thôn Tu Cần quản lý thuộc địa giới hành chính xã Hiếu, số gỗ này hiện đang được Uỷ ban nhân dân xã Hiếu quản lý. *(Kèm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 7 năm 2024)*.

- Giao trả Công Ty TNHH-MTV Lâm nghiệp Kon Plông xử lý theo quy định của pháp luật đối với 16,148 mét khối gỗ bị cưa hạ tại hiện trường thuộc Lô 13 Khoảnh 5 Tiểu khu 495, số gỗ này còn hiện do Công Ty TNHH-MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý. *(Kèm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 5 năm 2024).*

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/3/2025) nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Riêng các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum
- VKSND huyện Kon Plông;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xong